

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/03/2024

STT	NOVBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5	7:25	21	0		22	0	
2		GTCl+TD3	7:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
3		CTK3+TD5	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
4		AMD+P7+P4	9:25	18+3+0	0+0+0		15+0+6	0+0+0	
5		PPD	9:25	22	0		22	0	
6		TD3+TD1	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
7		CTK3+BK16	11:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
8		CTK3+PPD+GTCl	11:25	12+5+5	0+0+0		10+4+8	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD5	CREW: VThắng - N.Cường - Toàn	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	TD5	23	1	10	138	72	SEAMAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THỊ THÚC TRINH	TD5	22	1	8		55	SEAMAP	Vietnamese
3	DAVYDOV DANIIL	TD5	18	1	5		68	KHOAN	Russian
4	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	16	1	10		100	KHOAN	Russian
5	TRẦN HUỖNH LÂM	TD5	14	1	15		78	KHOAN	Vietnamese
6	KARAVKA IVAN	TD5	15	1	17		110	KHOAN	Russian
7	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	05	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	HÀ THANH TÙNG	TD5	01	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	06	1	6		65	YTE	Vietnamese
10	SEREBROV	TD5	17	1	13		80	VTB	Russian
11	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	04	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	08-09	2	14		86	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	07	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
14	HÀ VĂN PHIÊU	TD5	02-03	2	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	21	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TUẤN ANH	TD5					88	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN DUY	TD5	19	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	11	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN KHAI	TD5	13	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
20	ĐÌNH ĐỨC KIÊN	TD5	12	1	13		73	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN CAO DANIIL	TD5	10	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
22	ĐÀO QUANG MINH	TD5	20	1	7		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	185	1.619	138	22		
TOTAL		22	23	185	1.619	138	22		
WEIGHT KG				185	1.619	138			

GRAND TOAL: 1.942 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2024	TO: GTC1 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARGANOV V.	GTC1				40	92	TTAT	Russian
2	ĐO HỒNG SƠN	GTC1	89	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
3	SHEREMETIEV A.V.	GTC1					80	D-HANH	Russian
4	HOANG XUÂN HIẾU	GTC1	88	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN THƯỜNG	TD3	74	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	71	1	7		104	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	72	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
8	LẠI THỊ ĐẠT	TD3	94-95	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	69	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH THOẠI	TD3	70	1	6		93	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO THANH HẢI	TD3	80-81	2	15		100	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	96	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	97-98	2	6		58	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	82	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
15	MAI VĂN TRẦN MINH QUÂN	TD3	92-93	2	17	30	53	XAYLAP	Vietnamese
16	LÀ THANH	TD3	61	1	10	15	75	YTE	Vietnamese
17	PADKATILIN A.N	TD3	76	1	5		83	KHOAN	Russian
18	TRẦN CÔNG MINH	TD3	77	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	83	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN CÁN THẠC	TD3	73	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	78-79	2	12		64	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ TU HỢP	TD3	75	1	3	40	68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	4	2	7	300	40	1		
2	TD3	18	23	139	1.337	85	21		
TOTAL		22	25	146	1.637	125	22		
WEIGHT KG				146	1.637	125			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2024	TO: CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HÙNG - MTHAO -	ETA: 09:30
vang-1		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					79	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN BA THU	CTK3	56	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN SY	CTK3	63	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN LAM	CTK3	67	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM MINH TUÂN	CTK3	71-72	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3	55	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HAI	CTK3	68-69	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	66	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	64-65	2	12		83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	62	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	57-58	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	59-61	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	54	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO DINH THAM	CTK3	52	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH MANH DUC	CTK3					72	SAN BAY	Vietnamese
17	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	75	1	4	40	77	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠU TRỌNG HOÀNG	TD5	77	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUỆ	TD5	79	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
20	TÔ THANH HÙNG	TD5	76	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN MINH CÔNG	TD5	80	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	78	1	10		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

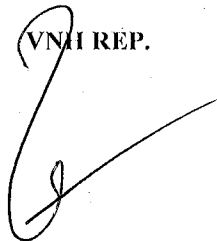
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	20	100	1.122	0	14		+ 1 NB về ghi phụ
2	TD5	6	6	32	397	40	8		
TOTAL		22	26	132	1.519	40	22		
WEIGHT KG				132	1.519	40			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2024	TO: AMD - P7 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

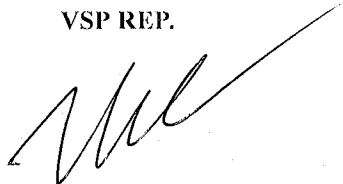
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	60	1	7	90	64	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	52-53	2	17		92	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TÀNG VĂN BA	AMD	55	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUY	AMD	62	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	51	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	43-44	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG PHAT	AMD	63-64	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	56-57	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VIỆT THẮNG	AMD	49-50	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN ANH	AMD	47-48	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUÂN	AMD	45	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HỒNG THAI	AMD	58	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT THẮNG	AMD	54	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VU XUAN TÂM	AMD	46	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	AMD	59	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG MẠNH TUẤN	AMD	71	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI VĂN QUỐC	AMD	42	1	5		58	PSV	Vietnamese
19	HÀN TRÍCH GIANG	P7	41	1	10	16	72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC CHÍNH	P7	43	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC VIỆT	P7	39-40	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM TIẾN DANG	P7	44	1	10	12	50	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	24	153	1.271	90	15		
2	P7	4	5	54	266	28	0		
3	P4	0	0	0	0	19	6		
TOTAL		22	29	207	1.537	137	21		
WEIGHT KG				207	1.537	137			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: PPD	CREW: VThắng - N.Cường - Toàn	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ TRUNG KIẾN	PPD	04-05	2	13		72	YTE	Vietnamese
2	GALIJAMOV I	PPD	02	1	6		69	KH-THAC	Russian
3	PHAN VĂN THĂNG	PPD	06	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH QUANG	PPD	03	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	19-20	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC DƯ	PPD	16	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRÍ	PPD	300	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHI DUY HOÀN	PPD	13	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	08	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TUỶ ANH CẠC	PPD	14	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TÂN	PPD	10	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	07	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ HIỀN THIÊN	PPD	01	1	3	80	58	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	23	1	9	84	60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG TUẤN HÙNG	PPD	21	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
16	K I LY	PPD	22	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	09	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN QUÝ	PPD	17-18	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	15	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					56	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH BINH	PPD	12	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	11	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	137	1.543	164	22		
TOTAL		22	24	137	1.543	164	22		
WEIGHT KG				137	1.543	164			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

leu vsp



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: TD3 - TD1	CREW: HUNG - MTHAO - QTruong	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC DUNG	TD3	40	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	38	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	43-44	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	47	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	42	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	45	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	37	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH DŨNG	TD3	41	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	51	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD3	48	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN HIỆU	TD3	53	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	54	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ QUỐC THANH MINH	TD3	30	1	13		86	CODIEN	Vietnamese
14	NGÔ KIM NGHIỆP	TD3	31	1	14	32	82	CODIEN	Vietnamese
15	ÔNG VĂN NAM	TD3	52	1	15		60	BAKER HU	Vietnamese
16	MAI HOÀNG HÀ	TD3	35-36	2	17		50	BAKER HU	Vietnamese
17	ĐÀO DUY KHANH	TD3	49-50	2	13		73	BAKER HU	Vietnamese
18	MAKAROV EVGENY	TD3	39	1	12		81	ANTOAN	Russian
19	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD3	32	1	5		57	DVL	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD3	34	1	18		75	DVL	Vietnamese
21	DÔNG VĂN THỊNH	TD3	46	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TUÂN ANH	TD1	77	1	13	24	65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	24	186	1.535	32	20		
2	TD1	1	1	13	65	24	2		
TOTAL		22	25	199	1.600	56	22		
WEIGHT KG				199	1.600	56			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - BK16	CREW: CHIẾN - Sơn - Vũ	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	17-18	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	97	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	500	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ MẠU MÊN	CTK3	99	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THẮNG	CTK3	57	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	96	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3				60	75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH DIỄN	CTK3	14	1	4	50	69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	21-22	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG THÁNH	CTK3	54-55	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG HIUY	CTK3	94	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC BẢO	CTK3	16	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI THANH HOÀT	CTK3	15	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
15	VU TRỌNG NGHĨA	CTK3	95	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DINH TUẤN	CTK3	19-20	2	17		71	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI CÔNG THẮNG	CTK3	98	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN SƠN	BK16	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	15	1	5	17	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỆU TRUNG	BK16	12	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÀ	BK16	50	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
22	VU DINH CHIẾN	BK16	13	1	5	15	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	20	128	1.183	60+50	16		
2	BK16	5	5	26	364	32	6		
TOTAL		22	25	154	1.547	92+50	22		
WEIGHT KG				154	1.547	92+50			

GRAND TOAL: 1.793 KGS + 50kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2024	TO: CTK3 - PPD - GTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - Tú	ETA: 14:05
XANH-3			

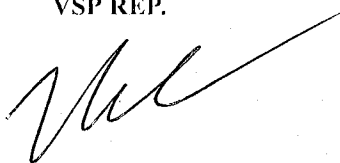
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ANH ĐAM	CTK3	82	1	3		67	CODIEN	Vietnamese
2	THIAN HUU TRUONG	CTK3	83	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	85-86	2	17		67	HVJOC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC ANH	CTK3	75	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN TRỌNG THẮNG	CTK3	78	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN SỸ LỤC	CTK3	80-81	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN MẠNH HÙNG	CTK3	79	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VĂN DUY	CTK3	77	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VĂN DŨNG	CTK3	76	1	15		83	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DINH SON	CTK3	70	1	9	17	70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN THANH SƠN	CTK3	84	1	9		78	T-TIN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CUNG	CTK3	74	1	7		53	PSV	Vietnamese
13	HA QUANG TRUNG	PPD	88-89	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA LINH	PPD	83	1	15	15	62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO XUAN LỢI	PPD	87	1	3		79	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	PPD	85-86	2	16		83	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	82	1	3		76	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HUU TAN	GTC1	05	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG MINH	GTC1	06	1	9		92	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN NAM THANG	GTC1	04	1	12		105	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG HA	GTC1	02	1	6		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

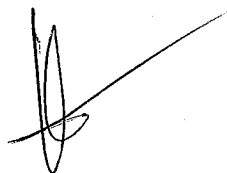
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	14	129	854	17	10		
2	PPD	5	7	47	373	15	4		
3	GTC1	5	5	40	425	0	8		
TOTAL		22	26	216	1.652	32	22		
WEIGHT KG				216	1.652	32			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0	-	18	0	
2		RP2+PPD+BK6	7:25	9+13+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
3		AMD+P4+CTK3	7:25	10+12+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
4		RP3	9:25	22	0		22	0	
5		VSP01+PPD+CLO	9:25	4+14+4	0+0+0		0+13+0	0+0+0	
6		TGTH4+TGTH5+AMD	11:25	4+4+14	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
7		P8+P4	11:25	4+13	0+0		0+20	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	TO: T.UNG	CREW: HHai - XTrường	ETA: 11:00
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	65	1	3	40	71	YTE	Vietnamese
2	LÊ TUẤN AN	T.UNG	59-60	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	66	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	61	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	78	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	64	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	63	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	62	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	72-73	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BẮC	T.UNG	70-71	2	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	69	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TỬ LONG	T.UNG	67	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	68	1	4		86	PSV	Vietnamese
16	VÔ VĂN KIẾT	T.UNG	58	1	3		57	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG HỮU NGHĨA	T.UNG	74-75	2	13		63	NHATHAU	Vietnamese
18	RAMESH YERRA	T.UNG	76-77	2	15		87	NHATHAU	Indian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	21	105	1.282	40	18		
TOTAL		18	21	105	1.282	40	18		
WEIGHT KG				105	1.282	40			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: RP2 - PPD - BK6	CREW: VThắng - M.Đức - Toàn	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOAI VU	RP2	03-04	2	10		62	D-HANH	Vietnamese
2	VU MANH HA	RP2				25	72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VIET THANH	RP2					76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NGUYEN BAO MINH	RP2	09	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAPIVKA V. S	RP2	02	1	5		94	KH-THAC	Russian
6	POPOV A. A.	RP2	01	1	7	60	79	KH-THAC	Russian
7	BUI QUANG THUAN	RP2	05-06	2	14		67	NIPI	Vietnamese
8	PHAM HONG QUANG	RP2	10	1	5		63	NIPI	Vietnamese
9	NGUYEN DUONG PHUC	RP2	07	1	3		66	D-HANH	Vietnamese
10	BAGRAMOV ALEXANDER	PPD	33	1	6		99	KH-THAC	Russian
11	DO CIUNG KIEN	PPD	42	1	3		62	KHI	Vietnamese
12	VU THANH BINH	PPD	34	1	4		82	KHI	Vietnamese
13	PHAN VAN TUNG	PPD	43	1	8		80	KHI	Vietnamese
14	TRAN VAN DUNG	PPD					76	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TA	PPD	39	1	2		70	KHI	Vietnamese
16	DO NGOC TAN	PPD	41	1	7		76	KHI	Vietnamese
17	TRAN LE RANG	PPD	40	1	4		84	KHI	Vietnamese
18	PHAM TAI	PPD	36	1	10		74	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN HUU HAO	PPD	32	1	5		80	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	37	1	3		68	KHI	Vietnamese
21	KOLESNIK A.Y	PPD	35	1	7		104	KHI	Russian
22	LE MINH PHUNG	PPD	38	1	6		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

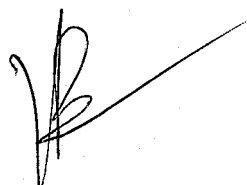
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	9	9	53	662	85	0		
2	PPD	13	12	65	1.035	0	16		
3	BK6	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	21	118	1.697	85	22		
WEIGHT KG				118	1.697	85			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

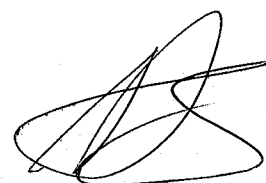
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/03/2024	TO: AMD - P4 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Nam - N.Cường - Tú	ETA: 09:25
CAM-I			

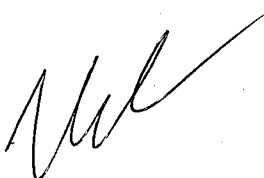
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STANLEY FUREY	AMD	86-88	3	17		113	BAB	British
2	NGUYEN THANH BINH	AMD	94	1	10		69	HLJOC	Vietnamese
3	DUONG CHI PHONG	AMD	89	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	DAO MINH TUAN	AMD	83	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TRUNG KIEN	AMD	82	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN SAU	AMD	81	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH MINH	AMD	90	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAN	AMD	84-85	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MANH DIEP	AMD	92-93	2	10		73	MED	Vietnamese
10	PHAM XUAN HAI	AMD	91	1	8		76	MED	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NAM	P4					70	KHI	Vietnamese
12	PHAM THE TRUONG	P4	91	1	4		78	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TRUNG	P4	90	1	3		71	KHI	Vietnamese
14	PHAM TRAI	P4	89	1	5		63	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DANG TUAN	P4	87	1	7		68	KHI	Vietnamese
16	TA XUAN HIEU	P4	88	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	PHAN HONG TAM	P4	85-86	2	10		58	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUONG	P4					80	KHI	Vietnamese
19	BUI QUANG HOAN	P4	84	1	7	15	91	YTE	Vietnamese
20	NGUYEN HAI LAM	P4	18,82	2	12		62	KHOAN	Vietnamese
21	DOAN VAN MUOI	P4	83	1	12		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	14	73	764	0	11		
2	P4	11	11	65	771	15	6		
3	CTK3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	25	138	1.535	15	22		
WEIGHT KG				138	1.535	15			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

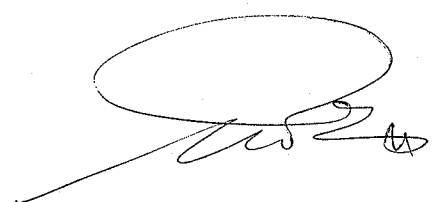
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: RP3	CREW: VThắng - M.Đức - Toàn	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN SEN	RP3	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	41-42	2	7		59	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	20	1	3		58	KHI	Vietnamese
4	LÂM TIẾN PHI	RP3	37	1	4		85	KHI	Vietnamese
5	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	22	1	6		64	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	19	1	9		75	KHI	Vietnamese
7	PANKRATOV ROMAN	RP3	34	1	9		93	KHI	Russian
8	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	29	1	6		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	21	1	4		74	KHI	Vietnamese
10	TRẦN THANH QUANG	RP3	28	1	6		73	VIỆT PHA	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	33	1	4		59	KHI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
13	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	30-31	2	8		66	KHI	Vietnamese
14	PHẠM BÌNH NAM	RP3	27	1	5		64	KHI	Vietnamese
15	TẠ QUANG CƯỜNG	RP3	43-44	2	15		79	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUỐC	RP3	35-36	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ VĂN KHA	RP3	23	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	MAI TRỌNG HẢI	RP3	24	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUÂN	RP3	40	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐOÀN HOÀNG SƠN	RP3	39	1	11	19	98	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN KHIẾC SƠN	RP3	25-26	2	15	100	64	XAYLAP	Vietnamese
22	HOÀNG THAI LONG	RP3	18	1	7		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	174	1.549	119	22		
TOTAL		22	26	174	1.549	119	22		
WEIGHT KG				174	1.549	119			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/03/2024	TO: VSP01 - PPD - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - N.Cuong - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG NGUYEN PHUONG VU	VSP01					69	D-HANH	Vietnamese
2	LUU HOANG MINH	VSP01	28	1	6	3	77	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN DUC HANH	VSP01	26	1	5		104	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THI CAM THU	VSP01	27	1	5		60	YTE	Vietnamese
5	BUI THANH	PPD	50	1	3		63	KHI	Vietnamese
6	TRINH QUOC THANH	PPD	54-55	2	11		103	KHI	Vietnamese
7	NGO DUC HAI	PPD	52	1	7		76	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN CONG DUNG	PPD	45	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	56	1	7		86	KHI	Vietnamese
10	PHAM HAI QUANG	PPD	53	1	4		75	KHI	Vietnamese
11	VU MANH HUNG	PPD	44	1	3		74	KHI	Vietnamese
12	CHU MINH PHUONG	PPD	49	1	5		85	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HOA	PPD	57-58	2	9		70	KHI	Vietnamese
14	TRINH CONG BINH	PPD	47	1	6		63	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DUC LAM	PPD	46	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	DANG THE ANH	PPD	48	1	6		67	NIPI	Vietnamese
17	PHAN NGOC QUYET	PPD	51	1	4		76	NIPI	Vietnamese
18	TA NGOC THANH	CLO	87-88	2	17		56	KH-THAC	Vietnamese
19	LAI ANH TUAN	CLO	90	1	15		105	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TAM	CLO	92	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC TRI	CLO	89	1	8	68	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	4	3	16	310	03	0		
2	PPD	13	15	73	980	0	13		
3	CLO	4	5	49	303	68	0		
TOTAL		21	23	138	1.593	68	13		
WEIGHT KG				138	1.593	68			

GRAND TOAL: 1.799 KGS + 3kg

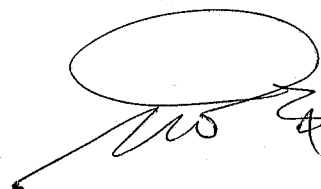
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	TO: TGTH4 - TGTH5 - AMD	CREW: CHIẾN - ĐNam - THU	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	92-93	2	12		72	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	90-91	2	17		89	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TU	TGTH4	88-89	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH4	87	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
5	DO VAN THAO	TGTH5	03	1	7		67	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	04	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	02	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN NHAN	TGTH5	01	1	9		80	PSV	Vietnamese
9	TRAN VAN DONG	AMD	72	1	8		71	MED	Vietnamese
10	PHAM THE LONG	AMD	73-74	2	10		73	MED	Vietnamese
11	TO TINH	AMD	80-81	2	11		76	HLJOC	Vietnamese
12	TRAN DUC TRUNG	AMD	96	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUNG	AMD	83	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN QUANG	AMD	82	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HUU DANG	AMD	77	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
16	LA NGOC MANH	AMD	99	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CHI CUONG	AMD	76	1	13		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THIN	AMD	95	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN PHONG	AMD					87	PSV	Vietnamese
20	DO VAN KIUONG	AMD	78	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	PHAM TUAN THANH	AMD	79	1	6		78	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VU DUYEN	AMD	75	1	6		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	7	48	299	0	3		
2	TGTH5	4	4	30	280	0	5		
3	AMD	14	15	96	990	0	14		
TOTAL		22	26	174	1.569	0	22		
WEIGHT KG				174	1.569	0			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2024	TO: P8 - P4 - P3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HƯNG - MTHAO - DTùng	ETA: 14:05
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀNG THI	P8	03	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
2	BUI XUAN THEM	P8	01	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THUAN	P8	02	1	9		72	NHATHAU	Vietnamese
4	KUSTOV A.	P8	04	1	5		96	NIPI	Russian
5	MAI TUAN KIET	P4	80	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
6	NGO DUY NGOC	P4	79	1	15		61	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN MANH	P4	78	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN THIEN	P4	82-83	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN DINH NHAM	P4	76	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET NGOC	P4	77	1	5		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAI	P4	99	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN SY	P4	400	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
13	VU QUOC VUONG	P4	96-97	2	22		75	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG NGOC HOAI	P4	98	1	19		63	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN MINH TAM	P4	84-85	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TRUNG	P4	81	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ MINH KHANG	P4	94	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	PHAM THANH TUNG	P4	95	1	16		101	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	4	4	22	318	0	0		
2	P4	14	17	165	972	0	18		
3	P3	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		18	21	187	1.290	20	22		
WEIGHT KG				187	1.290	20			

GRAND TOAL: 1.497 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN